

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

Bản án số: 26/2026/DS-ST

Ngày: 12-8-2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Mạnh Tường, Ông Bùi Khắc Thái.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 93/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/QĐ-DS ngày 29 tháng 7 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà S, số A P, phường S, TP.; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H- Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trần Thị Trà M- chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1983; số CCCD 037083007677; Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1981; số CCCD: 025181000993; Cư trú: Thôn C, Kênh G, xã G, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt lần hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 17/11/2022 Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T đã ký vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là V1), cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 2185211.22: Số tiền vay gốc: 330.000.000 đồng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 15.5%/năm. Thời hạn vay là 72 tháng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô. Thỏa thuận ông S và bà T phải trả nợ gốc vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên là 15/12/2022, mỗi kỳ trả 4.583.400 đồng, số còn lại trả hết vào cuối kỳ. Trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả phí theo quy định của V1 tại từng thời kỳ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T đã ký kết hợp đồng thế chấp với V1, cụ thể: Hợp đồng thế chấp số 7387635.22 ngày 17/11/2022. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe dưới 9 chỗ, số loại ANC225, số khung MHYANC225SNJ920332, số máy K15BT1404206, BKS 35A- 319.86, giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 15/11/2022 mang tên Trần Văn S. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng V1 đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ cho ông S và bà T số tiền 330.000.000 đồng theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 2185244(1).22. Tính đến ngày 02/6/2026, ông S và bà T mới trả được cho V1 số tiền 281.873.100 đồng, trong đó trả nợ gốc là 167.419.000 đồng, trả lãi trong hạn là 113.970.796 đồng, lãi quá hạn là 483.304 đồng. Như vậy ông S và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối VIB theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Mặc dù VIB nhiều lần đôn đốc nhưng ông S và bà T vẫn không trả nợ cho V1. Tạm tính đến ngày 15/7/2026, ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T còn nợ V1 tổng số tiền: 185.113.123 đồng, trong đó nợ gốc là 162.581.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.546.285 đồng, lãi quá hạn là 15.985.838 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông S và bà T thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông S và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1 thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan

Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho V1, cụ thể như sau: xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe dưới 9 chỗ, số loại ANC225, số khung MHYANC225SNJ920332, số máy K15BT1404206, BKS 35A- 319.86, giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 15/11/2022 mang tên Trần Văn S.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, thì ông S và bà T vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 cho đến khi thực tế trả hết số tiền nợ.

Đối với bị đơn mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án và không đến Tòa án làm việc trực tiếp.

Do quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình thêm chứng cứ là xác nhận dư nợ gốc và lãi của ông S và bà T tính đến ngày 12/8/2026. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/8/2026 và lãi phát sinh sau ngày 12/8/2026 cũng như các nghĩa vụ khác. Cụ thể: Tổng nợ là: 187.877.787 đồng, trong đó: Nợ gốc là 162.581.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.546.285 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.750.502 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Điều 299, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q. Buộc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/8/2026 là: 187.877.787 đồng, trong đó: Nợ gốc là 162.581.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.546.285 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.750.502 đồng.

Ngoài ra ông S bà T còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên cho Ngân hàng V1. Trường hợp ông S bà T không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng V1 thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Án phí: Ông S bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật cho vay giữa một bên chủ thể là tổ chức tín dụng và một bên chủ thể là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, vì vậy xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[2]. Về nội dung: *Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:*

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét Hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 2185211.22 được ký kết ngày 17/11/2022 giữa V1 với vợ chồng ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T: hợp đồng này đã được hai bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, năng lực dân sự, trên tinh thần tự nguyện, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái đạo đức xã hội và tuân thủ quy định của pháp luật. Do vậy hợp đồng tín dụng trên được coi là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện, căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng: V1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho người vay là ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T nhưng ông S và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã khởi kiện ra Tòa án là có căn cứ.

Đối với các khoản nợ gốc, nợ lãi được nguyên đơn tính dựa trên cơ sở số tiền mà V1 đã giải ngân sau khi đã trừ đi khoản mà bị đơn đã thanh toán về gốc và lãi,

mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng và trong phạm vi pháp luật quy định, vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 7387635.22 ngày 17/11/2022, được ký kết giữa V1 với ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T: Hội đồng xét xử thấy đây là thỏa thuận tự nguyện thể hiện ý chí của các bên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đều thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông S và bà T. Vì vậy hợp thế chấp này có hiệu lực pháp luật là căn cứ cho các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ.

2.2]. Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn đã tự đứng lên chi trả và không yêu cầu bị đơn phải chịu cùng nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[2.3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tính trên cơ sở số tiền phải trả cho V1 tính đến ngày 12/8/2026.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 145 và Điều 147; Điều 158; Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 117, 119, 292, 298, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 385, 386, 398, 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 100, 102, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án .

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 12/8/2026 là: 187.877.787 đồng, trong đó: Nợ gốc là 162.581.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.546.285 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.750.502 đồng.

* Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/8/2026 đối với khoản nợ tiền gốc phải trả cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP Q theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

* Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba: Hợp đồng thế chấp số 7387635.22 ngày 17/11/2022, được ký giữa VIB với vợ chồng ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T. Chi tiết tài sản bảo đảm: xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe dưới 9 chỗ, số loại ANC225, số khung MHYANC225SNJ920332, số máy K15BT1404206, BKS 35A- 319.86, giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 15/11/2022 mang tên Trần Văn S.

Trong trường hợp số tiền phát mại/Thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1 cho đến khi tất toán khoản vay.

V1 tiếp tục quản lý giấy tờ về xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe dưới 9 chỗ, số loại ANC225, số khung MHYANC225SNJ920332, số máy K15BT1404206, BKS 35A- 319.86, giấy chứng nhận đăng ký xe do Công an huyện G, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 15/11/2022 mang tên Trần Văn S. Sau khi ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T thanh toán hết khoản tiền gốc và lãi theo quy định thì VIB trả lại cho ông S và bà T các giấy tờ của tài sản thế chấp nêu trên.

2. Về án phí:

- Ông Trần Văn S và bà Phạm Thị Bích T phải chịu là 9.393.889 đồng.
- Trả lại cho Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.362.000 đồng theo Biên lai thu số 000016021034 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được công bố hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- Các đương sự;	Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	
	Nguyễn Thị Hương Quỳnh